

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO NHANH

Tình hình phòng, chống dịch COVID-19
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ngày 06/01/2022
(Từ 17h00 ngày 05/01/2022 đến 17h00 ngày 06/01/2022)

I. THÔNG TIN TÌNH HÌNH DỊCH

1. Tình hình ca mắc mới trong ngày

TT	Địa phương	Ca mới	Nơi phát hiện					Tích lũy ca mắc	DTTS	Xuất viện	Tử vong
			Cộng đồng	CL tại nhà	Khu cách ly	Khu PT	Sàng lọc				
1	TP.BMT	45	35	10	0	0	0	3393	893	3185	23
2	H. Lắk	8	7	0	0	1	0	764	635	433	0
3	H. Krông Bông	0	0	0	0	0	0	287	94	226	0
4	H. Krông Buk	0	0	0	0	0	0	967	820	882	6
5	H. Ea H'Leo	0	0	0	0	0	0	596	110	479	2
6	H. Krông Pắc	5	0	5	0	0	0	546	138	434	4
7	H. Krông Ana	27	20	7	0	0	0	949	557	638	3
8	H. Cư M'Gar	0	0	0	0	0	0	1345	711	1173	8
9	H. Ea Súp	20	18	2	0	0	0	271	90	144	1
10	H. M'Đrăk	0	0	0	0	0	0	171	71	109	0
11	H. Krông Năng	0	0	0	0	0	0	373	250	313	2
12	H. Ea Kar	7	4	2	0	1	0	487	195	307	0
13	H. Buôn Đôn	2	2	0	0	0	0	222	65	184	0
14	H. Cư Kuin	7	6	1	0	0	0	846	524	725	3
15	TX. Buôn Hồ	3	0	1	0	0	2	1362	607	1187	16
	TỔNG	124	92	28	0	2	2	12579	5760	10419	68

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tính đến ngày 06/01/2022 ghi nhận **12.579** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **10.419** trường hợp xuất viện, **68** trường hợp tử vong, hiện còn điều trị **2.092** trường hợp.

- Tỷ lệ DTTS mắc COVID-19 trên toàn tỉnh chiếm **45,8%** số ca mắc
- Tỷ lệ mắc/100.000 dân trung bình của toàn tỉnh là **672,9/100.000** dân
- Toàn tỉnh có **5.878** tổ COVID cộng đồng đang hoạt động.
- Chi tiết một số chùm ca bệnh (theo phụ lục 1)

2. Tình hình cách ly, phong tỏa

a) Tình hình cách ly tập trung, cách ly tại nhà:

TT	Địa phương	Số trường hợp cách ly tập trung			Số trường hợp cách ly tại nhà		
		Mới	Tích lũy	Còn cách ly*	Mới	Tích lũy	Còn cách ly*
1	Tuyên tỉnh	0	0	0			
2	TP.BMT	0	65	40	131	659	853
3	TX. Buôn Hồ	0	12	7	66	316	915
4	H. Ea H'Leo	-	12	0	-	257	257
5	H. Krông Năng	0	0	0	22	192	168
6	H. Cư M'Gar	3	33	11	84	344	344
7	H. M'Đrăk	0	13	0	30	216	214
8	H. Ea Kar	6	31	174	74	561	855
9	H. Krông Pắc	0	2	2	109	547	547
10	H. Krông Bông	0	45	16	114	878	1389
11	H. Krông Ana	2	4	13	13	128	302
12	H. Cư Kuin	0	0	0	86	205	209
13	H. Lắk	0	0	35	49	214	452
14	H. Buôn Đôn	2	28	22	85	231	496
15	H. Ea Sup	0	0	0	74	536	505
16	H. Krông Buk	0	0	0	190	306	149
	TỔNG	13	245	320	1127	5590	7655

* Số đang cách ly tính cả từ năm 2021 chuyển qua

b) Khu vực phong tỏa:

- Số khu vực phong tỏa: 301 khu vực; đã giải tỏa: 259 khu vực
- Còn lại: 42 khu vực đang phong tỏa.

(Cập nhật chi tiết tại đường link <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1FToKXiONnwUTEK7VqfBp22Rf71yBI7lxSDYjd2ZWtqo/edit#gid=644602066>)

c) Số lượng công dân từ vùng dịch trở về huyện/TX/TP (từ 01/01/2022)

TT	Địa phương	Số người hôm qua	Số người hôm nay	Cộng dồn
1	TP.BMT	138	47	338
2	TX. Buôn Hồ	37	19	183
3	H. Ea H'Leo	54	-	211
4	H. Krông Năng	27	22	192
5	H. Cư M'Gar	27	37	200
6	H. M'Đrăk	19	13	105
7	H. Ea Kar	50	0	320
8	H. Krông Pắc	312	212	1494
9	H. Krông Bông	57	17	221
10	H. Krông Ana	30	30	189
11	H. Cư Kuin	8	17	102
12	H. Lắk	4	2	21
13	H. Buôn Đôn	0	53	99
14	H. Ea Sup	64	10	74
15	H. Krông Buk	0	1	3
	TỔNG	827	480	3752

3. Tình hình lấy mẫu xét nghiệm

TT	Địa phương	Test nhanh kháng nguyên				Xét nghiệm RT-PCR				
		Trong ngày		Tổng		Trong ngày		Tổng		Chờ kết quả
		Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	
1	CDC*	147	0	209	0					
2	TP.BMT	294	46	1137	226	0	0	0	0	0
3	TX. Buôn Hồ	32	2	161	14	0	0	0	0	0
4	H. EaH'Leo	-	-	8463	49	0	0	0	0	0
5	H.Krông Năng	0	0	82	6	0	0	0	0	0
6	H. Cư M'Gar	134	2	553	29	0	0	0	0	0
7	H. M'Đrăk	118	0	433	13	0	0	0	0	0
8	H. Ea Kar	230	14	1234	53	0	0	0	0	0
9	H. Krông Pắc	286	3	1636	39	0	0	0	0	0
10	H.Krông Bông	110	0	844	27	0	0	0	0	0
11	H. Krông Ana	151	17	818	88	0	0	0	0	0
12	H. Cư Kuin	37	15	161	27	0	2	3	2	0
13	H. Lắk	63	17	829	167	0	0	33	26	0
14	H. Buôn Đôn	149	2	708	12	0	0	0	0	0
15	H. Ea Sup	15	15	71	71	3	3	37	37	0
16	H. Krông Buk	15	1	121	34	0	0	0	0	0
	TỔNG	1781	134	17460	855	3	5	73	65	0

4. Hoạt động tiêm vắc xin COVID-19

Sở Y tế đã nhận 15 đợt vắc xin từ Bộ Y tế với 2.714.738 liều, trong đó:

- AstraZeneca : 714.950 liều
- Comirnaty: 948.228 liều
- Moderna: 61.320 liều
- Sinopharm: 990.240 liều

Kết quả tiêm vắc xin như sau:

TT	Nhóm đối tượng	Số đối tượng	Số tiêm trong ngày			Tỷ lệ tiêm chủng (%)		
			Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3
1	ĐT 18 tuổi trở lên	1.259.298	4.161	8.058	1.283	97,2	86,7	0,1
2	ĐT từ 50 tuổi trở lên	361.984	0	0	0	89,0	52,2	0,0
3	ĐT từ 65 tuổi trở lên	103.549	0	0	0	84,8	50,5	0,0
4	PNCT $\geq$ 13 tuần	22.934	0	0	0	92,2	51,9	0,0
5	TE 15-17 tuổi	81.015	0	0	0	97,4	37,8	0,0
6	TE 12-14 tuổi	128.048	0	0	0	86,8	0,1	0,0

5. Công tác điều trị trong ngày

a) Tình hình biến động bệnh nhân trong ngày: Tổng số bệnh nhân COVID-19: 12.579 trường hợp, có 10.419 trường hợp ra viện, 68 trường hợp tử vong, hiện còn điều trị 2.092 trường hợp.

- Tại các cơ sở thu dung điều trị:

TT	Cơ sở điều trị	Số giường bệnh	Số BN của ngày hôm trước	Số BN ngày hôm nay	Trong đó				
					Mới	Chuyển tuyến trên	Chuyển tuyến dưới	Ra viện	Tử vong
1	BV Dã chiến 01	1000	650	678	86	0		58	0
2	BV Dã chiến 02	1500	588	589	45	0		44	0
3	TTYT Krông Búk	230	157	148	1	0	0	10	0
4	BV khu vực 333	300	198	202	11	0	0	7	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	100	84	84	0	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	92	51	50	1	0	0	2	0
	Tổng	3222	1728	1751	144	0	0	121	0

- Điều trị F0 tại nhà: mới 33 trường hợp, tích lũy **198** trường hợp, **76** trường hợp khỏi bệnh, chuyển tuyến 02 trường hợp, hiện còn điều trị 120 trường hợp.

b) Phân loại tình trạng bệnh nhân

- Phân loại theo mức độ lâm sàng (n=1.751)

TT	Cơ sở điều trị	Không có biểu hiện lâm sàng	Mức độ nhẹ (VĐHH Cấp)	Mức độ vừa (Viêm phổi)	Mức độ nặng (Viêm phổi nặng)	Mức độ nguy kịch				Hội chứng viêm hệ thống liên quan COVID-19 TE
						ARDS	Nhiễm trùng huyết	Sốc nhiễm trùng	Khác	
1	BV Dã chiến 01	343	335	0	0	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	364	225	0	0	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	131	17	0	0	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	42	160	0	0	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	0	0	75	9	0	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	4	15	8	19	4	0	0	0	0
	Tổng	884	752	83	28	4	0	0	0	0
	Tỷ lệ %	50.5	42.9	4.7	1.6	0.2	0.0	0.0	0.0	0.0

- Điều trị liên quan đến suy hô hấp (n=1.751)

TT	Cơ sở điều trị	Bình thường	Thở Oxy	HFNC	Thở máy không xâm nhập	Thở máy xâm nhập	ECMO
1	BV Dã chiến 01	678	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	589	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	148	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	202	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	75	9	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	23	19	5	3	0	0
	Cộng	1715	28	5	3	0	0
	Tỷ lệ %	97.9	1.6	0.3	0.2	0.0	0.0

II. TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

- Sở Y tế đang điều 275 nhân lực/ tổng 1.567 lượt điều động để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và huy động giảng viên, sinh viên tình nguyện thuộc các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe tham gia công tác phòng, chống dịch trên địa bàn (*Chi tiết tại phụ lục 2*).

Trên đây là báo cáo tình hình COVID-19 ngày 06/01/2022 của Sở Y tế./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

Nay Phi La

Phụ lục 1: CHI TIẾT CÁC CHÙM CA BỆNH

TT	Chùm ca bệnh	F0	F1	F2
1	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại thôn Nam Hòa, Xã Dray Bhang, Cư Kuin.	17	-	-
2	Liên quan Fo Y Ngheo Mgiáo tại buôn Drah 2, Cư Né, Krông Buk	55	-	-
3	Liên quan chùm ca bệnh cộng đồng, chưa rõ nguồn lây tại Buôn Mrông A, Mrông B, Mrông C, TDP 3A, 3B, 4- TT Ea Kar	118	-	-
4	Chùm ca bệnh tại Buôn Kô Siêr, P. Tân Lập, BMT	3	-	-
5	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, 2, 3, 7, 9, 11, 12, thôn 8, xã Ea Tiêu, Cư Kuin	45	-	-
6	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 22, 24, thôn 13, Ea Ning, Cư Kuin	13	-	-
7	Chùm ca bệnh liên quan BN điều trị nội trú tại BVĐK Vùng Tây Nguyên	58	-	-
8	Chùm ca bệnh cộng đồng tại buôn Tuôr A, Tuôr B, Xã Dray Sap, Krông Ana	132	-	-
9	Liên quan chùm ca bệnh tại 221, 189/1/45 Mai Hắc Đế, Tân Thành, BMT	10	-	-
10	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dong Băk, xã Yang Tao, Lăk. lây qua buôn Yok Đuôn	53	-	-
11	Liên quan chùm ca bệnh tại Pai Pi, xã Đăk Nuê, Lăk Fo Y Song Pang Ting. Lây sang buôn Mih, buôn Dham 2, buôn Kdie 1- Đăk Nuê	179	-	-
12	Chùm ca bệnh tại Thôn 1, 7,9, 11, thôn 12, Hòa Phú, BMT	22	-	-
13	Chùm ca bệnh tại buôn Dham, Xã Ea Bông, Krông Ana	87	-	-
14	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Sut Mdrang, Thôn 2, 3 Cư Suê, Cư M'Gar	41	-	-
15	Chùm ca bệnh tại buôn Hwiê, buôn Cư Mblim, buôn Kao, thôn 4, thôn Tân Hưng - xã Ea Kao, BMT	71	-	-
16	Chùm ca bệnh tại TDP 1,3,4 ,5,6– TT Buôn Trấp – Krông Ana	43	-	-
17	Liên quan đến chùm ca bệnh Buôn Mgam, buôn Mlôc B, buôn Tai - xã Krông Jing, M'Đrăk	25	-	-
18	Chùm ca bệnh tại Buôn Cuê, Xã Băng Adrênh, Krông Ana. Lây sang buôn K62, Băng Adrênh.	65	-	-
19	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dur Kmal, xã Dur Kmal, Krông Ana.	23	-	-
20	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ea Kruê, Ea Bông, Krông Ana	4	-	-
21	Liên quan chùm ca bệnh tại Cư Huê, Ea Kar	33	-	-
22	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Suk, buôn Tong Sinh, Xã Ea Đar, Ea Kar	15	-	-
23	Liên quan chùm xã Hòa Tân, Huyện Krông Bông, Đăk Lăk	28	-	-
24	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ga, Xã Ea Kmút, Ea Kar	26	-	-
25	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Mùi 2, Cư Né, Krông Búk	41	-	-
26	Liên quan chùm ca bệnh thôn Đăk Rmút, Xã Krông Nô. Lăk	15	-	-
27	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Yoi, Đăk Nuê, Lăk	52	-	-
28	Chùm ca bệnh tại thôn Quỳnh Tân 2, TT Buôn Trấp, Krông Ana	11	-	-
29	Liên quan chùm ca bệnh tại TDP2, TDP3, TDP5, Phường Tân Hòa, BMT	21	-	-
30	Chùm ca bệnh tại thôn 13, 14, Ea Tút, xã Pong Drang, Krông Buk	26	-	-
31	Chùm ca bệnh tại buôn Yon, Xã Bông Krang, Huyện Lăk	4	-	-
32	Chùm ca bệnh tại Cư Mlan, Ea Súp lây sang buôn Păn Lăm, P Tân Lập, BMT	12	-	-
33	Chùm ca bệnh tại chợ TT Ea Súp, Ea Súp	56	-	-
34	Chùm ca bệnh tại buôn Yông Hắt, Krông Nô, Lăk	102	-	-
35	Liên quan chùm ca bệnh tại KCN Hòa Phú, BMT	12	-	-
36	Chùm ca bệnh tại buôn Kala, xã Dray Sáp, Krông Ana	6	-	-
37	Liên quan chùm ca bệnh tại TT Krông Kmar, Krông Bông	7	-	-

Phụ lục 2: TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

1) Các đơn vị đã tiếp nhận nhân lực điều động:

TT	Đơn vị tiếp nhận	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ NHS /YS	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2	0								2	24
2	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	3	5						11	1	20	20
3	Bệnh viện Dã chiến số 01 tỉnh Đắk Lắk	18	38	4	6	5	2		12	11	96	218
4	Bệnh viện Dã chiến số 02 tỉnh Đắk Lắk	13	25	2	2	3			8	6	59	71
5	Bệnh viện Dã chiến số 03 tỉnh Đắk Lắk											58
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh			5				5			10	36
7	Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột						2	10	17		29	618
8	Thành phố Hồ Chí Minh	5	5				0				10	14
9	Trung tâm Y tế thị xã Buôn Hồ	2	0	0	0			0		0	2	202
10	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	3	8	8				0	6		25	75
11	Khu cách ly Ký túc xá Trường ĐH Tây Nguyên	4	5				1				10	44
12	KCL Trường CĐ Công nghệ TN	4	6								10	10
13	Khu cách ly Trường Chính trị										0	21
14	Khu cách ly Dây nhà bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 3		1							1	2	2
15	Khu cách ly Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk										0	8
16	KCL Phân hiệu Trường ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk										0	8
17	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên							0			0	28
18	Trường THPT DTNT N'Trang Long							0			0	70
19	Trường THCS Hòa Phú		0	0							0	40
TỔNG CỘNG		54	93	19	8	8	5	15	54	19	275	1567

2) Nhân lực tham gia điều động

TT	Đơn vị	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	KTV	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Y tế công lập	46	84	18	9	8	3	0	0	14	182	735
1.1	Sở Y tế	1									1	1
1.2	BVĐK vùng Tây Nguyên	10	6	1	3	1	0			0	21	81
1.3	BVĐKTP.Buôn Ma Thuột	10	17	1	0	1	1			5	35	85
1.4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	6	2	8						1	17	41
1.5	Trung tâm Y tế Buôn Đôn	1	2				0				3	24
1.6	Bệnh viện Y HCT		2		0	1				0	3	82
1.7	Trung tâm Y tế Cư M'gar	0	5	0							5	53
1.8	TT Kiểm nghiệm thuốc. mỹ phẩm. thực phẩm			5	3						8	9
1.9	TTYT huyện Ea Súp	0	1								1	8
1.10	TTYT huyện Lắk	3	4								7	16
1.11	TTYT huyện Krông Pắc	0	2								2	9
1.12	TTYT huyện Ea Kar	1	2	0							3	17
1.13	TTYT huyện Krông Búk						0				0	1
1.14	Trung tâm Da liễu						1				1	11
1.15	Bệnh viện Mắt Đắk Lắk		0								0	24
1.16	Bệnh viện Tâm thần	0	3			1					4	15
1.17	TTYT huyện Ea H'leo	1	2	0						0	3	46
1.18	TTYT huyện Krông Năng	0	2	0	0					0	2	28
1.19	TTYT huyện Krông Bông	3	5			1					9	18
1.20	TTYT huyện M'Drăk		3	1							4	4
1.21	TTYT huyện Krông Ana		0								0	2
1.22	BVĐK thị xã Buôn Hồ	2	4	0	0					0	6	33
1.23	TTYT huyện Cư Kuin	8	16	2	3	3	1			7	40	47
1.24	TTYT TP Buôn Ma Thuột		6					0		1	7	80
2	Bệnh viện tư nhân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	22
2.1	BVĐK Thiện Hạnh	0									0	11
2.2	BV Nhi Đức Tâm	2									2	2
2.3	BVĐK Hòa Bình	0	0		0						0	9
3	Y tế tư nhân (Phòng khám đa khoa. Phòng khám chuyên khoa....)										0	0
4	Cán bộ y tế hưu trí										0	0
5	Trường ĐH, CĐ	0	0	0	0	0	0	15	0	0	15	696
5.1	Trường ĐH BMT										0	283
5.2	Trường ĐH Tây Nguyên							15			15	345
5.3	Trường Cao đẳng Y tế							0			0	68
6	Bệnh viện Bạch Mai	3	5							1	9	9
7	Sở Y tế TP Hồ Chí Minh						0				0	2
8	Tình nguyện viên								67		67	103
TỔNG CỘNG		51	89	18	9	8	3	15	67	15	275	1567